

Số: /KH-UBND

Y Tịch, ngày tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới nâng cao xã Y Tịch, huyện Chi Lăng năm 2024

Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, UBND xã Y Tịch xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2024 trên địa bàn xã Y Tịch với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, đi vào chiều sâu, thực chất, bền vững. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành và Nhân dân nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tham gia thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã.

- Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội để triển khai thực hiện các nội dung kế hoạch đề ra; các cơ quan, đơn vị, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia xã cần xác định xây dựng nông thôn mới nâng cao là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phải xác định nhiệm vụ cụ thể, xây dựng lộ trình đối với từng nội dung công việc phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng nông thôn mới nâng cao, huy động tối đa lồng ghép các Chương trình mục tiêu và các nguồn vốn khác thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao trên cùng một địa bàn; thực hiện xã hội hóa đầu tư, huy động sự đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân bằng nhiều hình thức đóng góp như tiền mặt, vật liệu, máy móc, ngày công lao động, hiến đất,... để thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao.

2. Yêu cầu

- Tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo của chính quyền địa phương, đoàn thể chính trị, cán bộ, đảng viên và nhân dân về mục tiêu, các giải pháp tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM. Phát huy vai trò chủ thể của người dân trên tinh thần dân biết, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ.

- Đến tháng 12/2024 xã đạt 07/19 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Kết quả xã tự đánh giá 19 tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định 1494 /QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

- **Các Tiêu chí đã đạt:** 05 tiêu chí, bao gồm:

- + Tiêu chí số 01: Quy hoạch;
- + Tiêu chí số 04: Điện;
- + Tiêu chí số 06: Văn hóa;
- + Tiêu chí số 07: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn;
- + Tiêu chí số 15: Hành chính công;
- + Tiêu chí số 16: Tiếp cận pháp luật;
- + Tiêu chí số 19: Quốc phòng và an ninh;

- **Các tiêu chí chưa đạt:** 09 tiêu chí bao gồm:

- + Tiêu chí số 02: Giao thông;
- + Tiêu chí số 03: Thủy lợi và phòng chống thiên tai;
- + Tiêu chí số 05: Giáo dục;
- + Tiêu chí số 08: Thông tin và truyền thông;
- + Tiêu chí số 09: Nhà ở dân cư;
- + Tiêu chí số 10: Thu nhập;
- + Tiêu chí số 11: Nghèo đa chiều;
- + Tiêu chí số 12: Lao động;
- + Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn;
- + Tiêu chí số 14: Y tế;
- + Tiêu chí số 15: Hành chính công;
- + Tiêu chí số 17: Môi trường;
- + Tiêu chí số 18: Chất lượng môi trường sống.

1. Đối với các tiêu chí đã đạt

1.1. Tiêu chí số 1 - Quy hoạch

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch: **Đạt**.

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch. **Đạt**.

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên: **Đạt**.

1.2. Tiêu chí số 4 - Điện

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định $\geq 99\%$. **Đạt.**

1.3. Tiêu chí số 6 - Văn hóa

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên. **Đạt.**

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định. **Đạt.**

6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới. **Đạt**

1.4. Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm. **Đạt.**

1.5. Tiêu chí số 15. Hành chính công

15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính: Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến đạt 99,57%. **Đạt.**

15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên. **Đạt.**

15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp. **Đạt.**

Gải pháp thực hiện

Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến khi thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND xã và thực hiện giải quyết hồ sơ đảm bảo đúng thời gian theo quy định.

1.6. Tiêu chí số 16 - Tiếp cận pháp luật

16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận ≥ 1 . Mô hình nông dân với pháp luật: **Đạt.**

16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành $\geq 90\%$. (09/10 vụ, 90%) **Đạt.**

16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu $\geq 90\%$. **Đạt.**

1.7. Tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh

19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân. **Đạt.**

19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả: Có mô hình camera an ninh: **Đạt**.

2. Thực trạng và giải pháp thực hiện các chỉ tiêu tiêu chí chưa đạt trong năm 2023.

2.1. Tiêu chí số 2 -Giao thông

Thực trạng:

2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định. **Chưa đạt**.

2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp (được cứng hóa và bảo trì hàng năm là 100%): Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp). Tổng chiều dài đường trục thôn là 12,1 km, mặt đường BTXM là 9,1/12,1 km chiếm 86,4% **Chưa đạt**.

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp là $\geq 85\%$. Tổng chiều dài đường ngõ xóm của xã là 13,2 km, chiều dài mặt đường BTXM là 8,63/13,2 đạt 64,4%. **Chưa đạt**.

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa. Tổng chiều dài 28,1 km, trong đó cứng hóa 11,44/28,84 đạt 39,7%. **Chưa đạt**.

Giải pháp thực hiện:

- Thực hiện bê tông hóa 2,3km đường trục thôn tại các thôn Giáp Thượng và Thần Lăng.

- Thực hiện bê tông hóa trên 500m đường ngõ xóm tại các thôn Na Cà, Nam Lân 2.

- Thực hiện cứng hóa trên 1000m đường nội đồng tại các thôn trên địa bàn xã.

- Tiếp tục thực hiện Trồng cây xanh tại các tuyến đường trục xã Đường liên thôn trên địa bàn xã.

2.2. Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai

Thực trạng:

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động $\geq 90\%$. Hiện trạng trên địa bàn xã đạt 82,98 % so với thiết kế. **Chưa đạt**.

3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững. **Chưa đạt**.

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. **Chưa đạt.**

3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm. **Đạt.**

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi. **Đạt.**

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ đạt khá. **Đạt.**

Giải pháp thực hiện:

- Thực hiện đề xuất xây mới, sửa chữa, nâng cấp các tuyến mương, các đập dâng nhỏ trên địa bàn các thôn để nâng cao năng lực tưới, mở rộng diện tích tưới đối với các công trình thủy lợi.

- Xác định, xây dựng kế hoạch thành lập Tổ chức thủy lợi cơ sở (Thành lập tổ 01 tổ hợp tác) để tổ chức quản lý, sử dụng, bảo dưỡng các công trình thủy lợi.

- Tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, không xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.

2.3. Tiêu chí số 5 -Giáo dục

Thực trạng

5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 là 100%. **Chưa đạt.**

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: **Đạt.**

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS: Mức độ 3. **Đạt.**

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ: Mức độ 2. **Đạt.**

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại: Khá. **Đạt.**

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền. **Đạt**

Giải pháp thực hiện

- Tiếp tục đề nghị cấp trên phân bổ nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

Tiếp tục duy trì các chỉ tiêu và nâng cao tỷ lệ đối với các chỉ tiêu đã đạt.

2.4. Tiêu chí số 8 - Thông tin và Truyền thông

Thực trạng

8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. Có bưu điện xã: **Đạt.**

8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh. **Đạt.**

8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông. **Đạt.**

8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới. **Chưa đạt.**

8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...). **Chưa đạt.**

Giải pháp thực hiện

- Xây dựng sản phẩm OCOP và đưa các sản phẩm OCOP của xã giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử (Voso, Postmart, chợ trực tuyến Hợp tác xã Việt Nam...):

- Thực hiện thông báo, gắn biển địa chỉ số đến 100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức trên địa bàn xã.

2.5. Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư

Thực trạng:

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt 77,10%. **Chưa đạt.**

Giải pháp thực hiện:

Lựa chọn và thực hiện 02 hộ gia đình có khó khăn để xây mới về nhà ở theo chương trình hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tiếp tục tuyên truyền vận động 5 hộ gia đình thực hiện xây mới, cải tạo các công trình phụ, chỉnh trang nhà cửa để nâng tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố so với năm 2022.

2.6. Tiêu chí số 10 - Thu nhập

Thực trạng

Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)

Thu nhập bình quân bình quân đầu người/năm của xã Thượng Cường năm 2022 đạt 39,2 triệu đồng. **Chưa đạt.**

Giải pháp thực hiện

Tuyên truyền vận động nhân dân trên địa bàn xã thực hiện các mô hình phát triển sản xuất: chăm sóc hội hữu cơ, sản xuất na theo tiêu chuẩn VietGAP, sản xuất thuốc lá theo hướng dẫn kỹ thuật của công ty để nâng cao năng xuất,

chất lượng sản phẩm, tạo ra các sản phẩm có giá trị cao góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

2.7. Tiêu chí số 11. Nghèo đa chiều

Thực trạng

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025: Tỷ lệ hộ nghèo của xã năm 2022 là 12,69%. **Chưa đạt.**

Giải pháp thực hiện

Tuyên truyền vận động nhân dân trên địa bàn xã thực hiện các mô hình phát triển sản xuất: chăm sóc hồi hữu cơ, sản xuất na theo tiêu chuẩn VietGAP, sản xuất thuốc lá theo hướng dẫn kỹ thuật của công ty để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tạo ra các sản phẩm có giá trị cao góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

Phân công các tổ chức hội đoàn thể giúp đỡ hộ nghèo theo địa chỉ.

2.8. Tiêu chí số 12. Lao động

Thực trạng

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 80\%$. Đạt theo bộ tiêu chí: Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2022: 72,92%. **Đạt.**

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 30\%$: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ của xã 38,49%. **Đạt.**

12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn. **Chưa đạt.**

Giải pháp thực hiện

Phối hợp với trung tâm dạy nghề của huyện tổ chức các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn để trực tiếp hoạt động trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn.

2.9. Tiêu chí số 13. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

Thực trạng

13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định. **Đạt.**

13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn. **Đạt.**

13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm: Có mô hình sản xuất thuốc lá chất lượng cao. **Đạt.**

13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã. **Đạt.**

13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử. **Chưa đạt.**

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng. **Chưa đạt.**

13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội: trên địa bàn xã không có điểm du lịch. **Đạt**

13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường). **Chưa đạt.**

Giải pháp thực hiện

- Xây dựng sản phẩm OCOP và đưa các sản phẩm OCOP của xã giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử (Voso, Postmart, chợ trực tuyến Hợp tác xã Việt Nam...): thực hiện đối với sản phẩm na của Tổ hợp tác.

- Thực hiện việc cấp mã số vùng trồng đối với sản phẩm na trên địa bàn xã.

2.10. Tiêu chí số 14 - Y tế

Thực trạng

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 95\%$. Xã đạt 79,85%: **Chưa đạt.**

14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$. **Chưa đạt.**

14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 40\%$. **Chưa đạt.**

14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 70\%$. **Chưa đạt.**

Giải pháp thực hiện

Tuyên truyền, vận động nhân dân cài đặt sổ khám chữa bệnh điện tử, mua bảo hiểm y tế tự nguyện, vận động người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa.

2.11. Tiêu chí số 17 - Môi trường

Thực trạng

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường: trên địa bàn xã không có khu kinh doanh dịch vụ, khu, giết mổ chăn nuôi. **Đạt.**

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 100%. **Đạt.**

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 85\%$: 98%. **Đạt.**

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 40\%$: 10% **Chưa đạt**.

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 50\%$: 31,7 %, **Chưa đạt**.

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường $\geq 100\%$: **Đạt**.

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường $\geq 80\%$. **Đạt**.

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 85\%$: **Đạt**.

17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch: Có quy hoạch nghĩa trang. **Chưa đạt**.

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 5\%$. **Chưa đạt**.

17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: 2,81m²/người, **Chưa đạt**.

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 50\%$: 30,8%, **Chưa đạt**.

Giải pháp thực hiện

- Tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện thu gom, phân loại rác thải, cải tạo chuồng trại chăn nuôi đảm bảo hợp vệ sinh.

- Tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi thực hiện đầy đủ các nội dung trong lĩnh vực môi trường.

2.12. Tiêu chí số 18 - Chất lượng môi trường sống

Thực trạng

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 35\%$: 30,24% **Chưa đạt**.

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 60 lít. **Đạt**.

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 25\%$. **Chưa đạt**.

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm 100%. **Đạt**.

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã. **Đạt**.

18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm. **Đạt**.

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch $\geq 80\%$: 75% **Chưa Đạt**.

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường 100%. Không có bãi chôn lấp, **Đạt**.

Giải pháp thực hiện

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của ban quản lý công trình nước tập trung, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng công trình nước tập trung: bể đầu nguồn, đường ống dẫn nước, các bể chứa để nâng cao chất lượng nước. vận động người dân sử dụng nước sạch từ công trình nước tập trung.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

- Tiếp tục phát động phong trào toàn dân hưởng ứng xây dựng thôn, xóm văn minh, sạch đẹp; trong đó tổ chức tốt công tác thu gom, xử lý rác thải, chỉnh trang đường làng, ngõ xóm; Vận động các hộ tự cải tạo, xây dựng, nâng cấp nhà ở đạt chuẩn, chỉnh trang tường rào, vườn tược; có ý thức bảo vệ môi trường chung, không xả rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường. Hàng tháng phát động nhân dân tham gia vệ sinh môi trường ở từng thôn, xóm.

- Đối với phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập: tiếp tục tạo điều kiện cho các đoàn viên, hội viên, người dân vay vốn phát triển sản xuất; khuyến khích áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi; chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế trên địa bàn xã gắn với mô hình kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác xã theo hướng phát triển bền vững giữa đầu tư, sản xuất, tiêu thụ hàng hóa trong “chuỗi liên kết 04 nhà”: Nông dân – Ngân hàng - Nhà nước - Doanh nghiệp.

- Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền để các cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên, người dân hiểu đúng mục tiêu của Chương trình, quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi cá nhân và cả thế thống chính trị trong xây dựng nông thôn mới, nhất là công tác vệ sinh môi trường; làm đường ngõ xóm; xây dựng khu dân cư kiểu mẫu và phát triển sản xuất.

- Tranh thủ nguồn vốn của cấp trên đồng thời huy động tối đa các nguồn lực để hoàn thành nâng cao chất lượng và bền vững các tiêu chí đạt chất lượng cao, phát triển kinh tế, hỗ trợ vốn tín dụng để phát triển sản xuất, tổ chức đào tạo nghề, xuất khẩu lao động, giải quyết việc làm; xây dựng, nâng cấp các tuyến đường bê tông, các tuyến mương nội đồng, cầu cống để phục vụ cho giao thông và sản xuất, mương thoát nước trong khu dân cư..

- Tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ cho đội ngũ cán bộ tham gia trực tiếp chương trình.

- Tiếp tục thực hiện tốt phong trào “Ngày chủ nhật đỏ chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn xã.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị Trường học, Trạm y tế, Công an xã, các bộ phận chuyên môn liên quan theo nhiệm vụ chuyên môn gắn với từng chỉ tiêu của Bộ tiêu chí “xã nông thôn mới nâng cao” xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, theo dõi và hướng dẫn các thôn cách thức triển khai thực hiện đạt chuẩn từng tiêu chí theo quy định.

- Bộ phận Văn phòng Ủy ban nhân dân xã: Theo dõi, hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 10 (Thu nhập); Tiêu chí số 15 (Hành chính công).

- Bộ phận Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng và môi trường xã: Theo dõi, hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 01 (Quy hoạch); Tiêu chí số 02 (Giao thông); Tiêu chí số 03 (Thuỷ lợi và phòng chống thiên tai); Tiêu chí số 04 (Điện); Tiêu chí số 07 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn); Tiêu chí số 09 (Nhà ở dân cư); Tiêu chí 13 (Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn); Tiêu chí 17 (Môi trường); Tiêu chí 18 (Chất lượng môi trường sống).

- Bộ phận Văn hóa xã hội: Theo dõi, hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 11 (Nghèo đa chiều); Tiêu chí 12 (Lao động); Tiêu chí số 06 (Văn hóa); Tiêu chí số 08 (Thông tin và truyền thông).

- Trạm Y tế theo dõi hướng dẫn Tiêu chí 14 (Y tế).

- Các Trường học: Theo dõi, hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 05 (Giáo dục);

- Công an xã, Ban chỉ huy Quân sự xã: Theo dõi, hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 19 (Quốc phòng và an ninh,).

- Bộ phận Tư pháp xã: Theo dõi, hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 16 (Tiếp cận pháp luật).

(Có biểu phân công phụ trách tiêu chí cụ thể kèm theo)

2. Ban chỉ đạo, Ban quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia xã, phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện “Khu dân cư kiểu mẫu”; xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai các nội dung của Kế hoạch này; định kỳ hàng, quý, năm tổng hợp báo cáo về Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới của xã để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể xã tổ chức vận động, tuyên truyền sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức trong nhân dân để người dân là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới nâng cao, khu dân cư kiểu mẫu; đồng thời xây dựng kế hoạch cụ thể tham gia thực hiện Bộ tiêu chí.

4. Căn cứ vào nội dung kế hoạch này Cán bộ, công chức phụ trách tiêu chí Xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể đối với từng chỉ tiêu, tiêu chí.

5. Ban phát triển các thôn phân công cụ nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, tổ chức các hoạt động tuyên truyền trong nhân dân nhằm huy động sự

tham gia tích cực của mọi tầng lớp nhân dân vào phong trào xây dựng nông thôn mới nâng cao gắn với giảm nghèo bền vững.

Căn cứ nội dung Kế hoạch này, các thành viên Ban chỉ đạo, Ban quản lý, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội xã, các cơ quan, đơn vị liên quan, chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2024 theo chức năng, nhiệm vụ được phân công./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (BC);
- VPĐP huyện (BC);
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Các thành viên Ban Quản lý xã;
- UBMTTQ VN và các tổ chức đoàn thể xã;
- Công chức xã;
- Ban Phát triển các thôn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Vương Văn Sơn

**BẢNG PHÂN CÔNG PHỤ TRÁCH CÁC TIÊU CHÍ NTM NÂNG CAO
NĂM 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số.... /KH-UBND ngày /01/2023 của UBND xã Thuận Cường)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung chỉ tiêu	Quy định	Phân công phụ trách
1	1. Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Lương Trung Đức Công chức ĐC- NN-XD&MT
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	
2	2. Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định		Lương Trung Đức Công chức ĐC- NN-XD&MT
		- Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm	100%	
		- Tỷ lệ đường xã có biển chỉ dẫn, có hệ thống cảnh báo an toàn giao thông theo quy định.	> 70%	
		- Đường xã có hệ thống chiếu sáng trên tuyến	Có ít nhất 02 tuyến có điện chiếu sáng (ở những đoạn có dân cư tập trung,	

			nhóm hộ, hộ dân sinh sống)	
		- Đường xã có trồng cây xanh hoặc trồng hoa (<i>đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến, cây đang sinh trưởng, phát triển tốt</i>)	Có ít nhất 02 tuyến trồng cây xanh hoặc trồng hoa (trồng cây xanh hoặc trồng hoa ở những nơi có đủ điều kiện trồng cây và trồng hoa)	
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp: có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp		
		- Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	100%	
		- Tỷ lệ đường thôn, bản và liên thôn, bản có biển chỉ dẫn, có hệ thống cảnh báo an toàn giao thông theo quy định	$\geq 70\%$	
		- Đường thôn, bản và liên thôn, bản có hệ thống chiếu sáng trên tuyến.	Có ít nhất 03 tuyến có điện chiếu sáng (ở những đoạn có dân cư tập trung, nhóm hộ, hộ dân sinh sống)	
		- Đường thôn, bản và liên thôn, bản có trồng cây xanh hoặc trồng hoa (<i>đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến, cây đang sinh trưởng, phát triển tốt</i>)	Có ít nhất 03 tuyến trồng cây xanh hoặc trồng hoa (trồng cây xanh hoặc trồng hoa ở những nơi có đủ điều kiện trồng cây và trồng hoa)	
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	$\geq 85\%$	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	$\geq 80\%$	
3	3. Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 90\%$	Lương Trung Đức Công chức ĐC- NN-XD&MT
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền	Đạt	

		vững		
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	$\geq 15\%$	
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	
4	4. Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 98\%$	Lương Trung Đức Công chức ĐC- NN-XD&MT
5	5. Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	Hiệu trưởng các trường Mầm non, trường Tiểu học &THCS
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá xếp loại	Khá	
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	
6	6. Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Đỗ Thị Lộc Công chức Văn hóa xã hội
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	

		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	<p>- Đạt tỷ lệ từ 90% trở lên thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu "Thôn văn hoá" 2 năm trở lên</p> <p>- Đạt tỷ lệ từ 90% trở lên hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hoá</p>	
7	7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Lương Trung Đức Công chức ĐC-NN-XD&MT
8	8. Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Đỗ Thị Lộc Công chức Văn hóa xã hội
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	Xã có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt: Tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng núi. Tối thiểu 80% đối với các xã còn lại	
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Đạt	
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt	
9	9. Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥ 90%	1. Lương Trung Đức Công chức ĐC-NN-XD&MT 2. Đỗ Thị Quế Chủ tịch BMTTQ VN xã
10	10. Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021 ≥ 43	Hoàng Ngọc Quế Công chức VPTK
			Năm 2022 ≥ 47	
			Năm 2023 ≥ 51	

			Năm 2024 \geq 55	
			Năm 2025 \geq 59	
11	11. Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	< 8 %	Hoàng Thị Như Công chức Văn hóa xã hội
12	12. Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	\geq 75%	Hoàng Thị Như Công chức Văn hóa xã hội
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	\geq 25%	
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	\leq 47%	
13	13. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	\geq 1	1. Mai Văn Thăng Chủ tịch hội nông dân 2. Lương Trung Đức Công chức ĐC-NN-XD&MT
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc trưng trưng còn thời hạn	Đạt	
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	\geq 1	
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	\geq 01 sản phẩm	
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	\geq 10%.	
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt	
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	\geq 01 mô hình	
14	14. Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	\geq 95%	Trạm y tế xã
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	\geq 90%	

		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40\%$	
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$	
15	15. Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến đạt 50%	Lương Kiều Nhân Công chức VPTK
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	
16	16. Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥ 1	Lương Hồng Khôi - Công chức Tư pháp hộ tịch
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$	
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$	
17	17. Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Lương Trung Đức
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	Lương Trung Đức
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 80\%$	Các tổ chức đoàn thể
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	$\geq 25\%$	Các tổ chức đoàn thể
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 50\%$	Các tổ chức đoàn thể
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	Các tổ chức đoàn thể

		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	$\geq 80\%$	Các tổ chức đoàn thể
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 75\%$	Các tổ chức đoàn thể
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Lương Trung Đức
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 5\%$	Lương Trung Đức
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4\text{m}^2/\text{người}$	Lương Trung Đức
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$	Các tổ chức đoàn thể
18	18. Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Xã không thuộc khu vực III $\geq 35\%$	Lương Trung Đức
			Xã khu vực III $\geq 25\%$	
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	Xã không thuộc khu vực III ≥ 60 lít	Lương Trung Đức
			Xã khu vực III ≥ 40 lít	
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	Xã không thuộc khu vực III $\geq 25\%$	Lương Trung Đức
			Xã khu vực III $\geq 20\%$	
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	Đỗ Thị Lộc
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Đỗ Thị Lộc
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%	Đỗ Thị Lộc
18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	$\geq 80\%$	Các tổ chức đoàn thể		

		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Lương Trung Đức
19	19. Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Hoàng Minh Tiến Chỉ huy trưởng quân sự
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Trưởng Công an xã